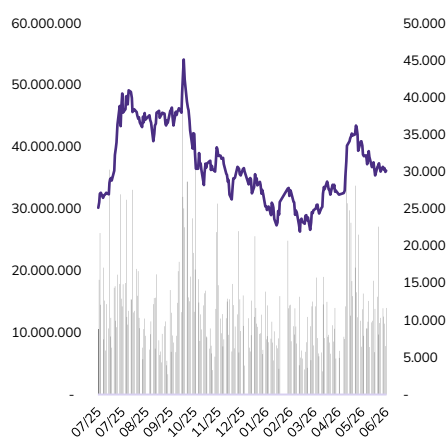


Lê Thị Kim Huệ

 Email: [hue.lethikim@abs.vn](mailto:hue.lethikim@abs.vn)
**THÔNG TIN CƠ BẢN**

Ngành : Thiết bị điện  
 Ngày báo cáo : 29/06/2026  
 Giá hiện tại (VND/CP) : 30.300  
 Vốn hóa (Tỷ VND) : 39.647  
 SLCPLH (CP) : 1.308.471.358

**DIỄN BIẾN GIÁ**


Nguồn: FiinPro, ABS Research

**CHỈ SỐ TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	1Q25	1Q26
Tăng trưởng DTT (%)	18,9%	35,4%
Tăng trưởng LNST (%)	115,3%	5,1%
Biên LNG (%)	20,2%	18,7%
Biên LNST (%)	3,0%	2,3%
ROA (%)	0,4%	0,3%
ROE (%)	1,6%	1,3%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,79	1,05
EPS (VND/CP)	272	272
BVPS (VND/CP)	16.746	21.379

Nguồn: FiinPro, ABS Research

**Triển vọng tích cực nhưng lợi nhuận ngắn hạn gặp nhiều thách thức**

- KQKD năm 2025 – Doanh thu & lợi nhuận gộp lên đỉnh 10 năm nhưng LNST sụt giảm mạnh do lợi ích của cổ đông thiểu số tăng:**
  - ✓ Doanh thu thuần (DTT) năm 2025 đạt 39.513 tỷ đồng (+17,1% svck), lợi nhuận gộp (LNG) đạt 8.417 tỷ đồng (+24,5% svck), biên LNG tăng lên 21,3% (+1,3 điểm % svck). Đây là mức DTT & LNG cao nhất của GEX trong vòng 10 năm qua.
  - ✓ **Thiết bị điện vẫn là động lực tăng trưởng chính** với DTT đạt 25.036 tỷ đồng (+20,9% svck, chiếm 63,4% cơ cấu DTT), LNG đạt 4.000 tỷ đồng (+36,5% svck, chiếm 47,5% cơ cấu LNG), biên LNG tăng lên 16% (+1,9 điểm % svck). KQKD tích cực trên là do nhu cầu đầu tư vào hạ tầng điện tăng cao. Ngoài ra, sự phục hồi của thị trường bất động sản (BDS) và dòng vốn FDI ổn định dự kiến sẽ tiếp tục hỗ trợ nhu cầu thiết bị điện trong phân khúc dân dụng và công nghiệp. Các công ty con như CAV, THIBIDI, CADI-SUN đều ghi nhận tăng trưởng sản lượng, hưởng lợi từ đơn hàng ổn định. Giá nguyên liệu đồng, nhôm giảm svck giúp mảng dây cáp điện và máy biến áp giữ lợi nhuận tốt.
  - ✓ **Mảng vật liệu xây dựng (VLXD) tăng trưởng tích cực** với DTT đạt 8.621 tỷ đồng (+12,1% svck, chiếm 21,8% cơ cấu DTT), LNG đạt 1.526 tỷ đồng (+31,8% svck, chiếm 18,1% cơ cấu LNG), biên LNG cũng cải thiện lên 17,7% từ mức 15,2% của cùng kỳ năm trước. Mảng này tuy đóng góp thứ 2 trong cơ cấu DTT nhưng do biên LNG thấp hơn mảng BDS KCN nên chỉ đóng góp thứ 3 trong cơ cấu LNG, sau mảng BDS KCN. Kết quả khả quan của mảng VLXD là nhờ thị trường xây dựng phục hồi. Các dòng sản phẩm chủ lực của GEX như thiết bị vệ sinh, gạch nung, ngói đều tăng trưởng tốt svck cả về doanh thu và lợi nhuận.
  - ✓ **Mảng BDS KCN tiếp tục sáng:** đây là mảng đóng góp thứ 3 trong cơ cấu DTT và đóng góp thứ 2 trong cơ cấu LNG sau mảng thiết bị điện với DTT đạt 4.493 tỷ đồng (+8,2% svck, chiếm 11,4% cơ cấu DTT), LNG đạt 2.306 tỷ đồng (+1,3% svck, chiếm 27,4% cơ cấu LNG), biên LNG giảm về 51,3% (-3,7 điểm % svck).
  - ✓ Do các chi phí bán hàng & QLDN, chi phí tài chính tăng svck trong khi doanh thu tài chính lại giảm svck nên LNST-MI năm 2025 đạt 1.478 tỷ đồng (-9,4% svck).

## KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2026 & NĂM 2025

Chỉ tiêu	1Q25	1Q26	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	7.916	10.722	35,4%	33.752	39.513	17,1%
Lợi nhuận gộp	1.598	2.002	25,3%	6.762	8.417	24,5%
Biên LN gộp	20,2%	18,7%		20,0%	21,3%	
Chi phí BH & QLDN	(690)	(786)	14,0%	(3.029)	(3.496)	15,4%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	8,7%	7,3%		9,0%	8,8%	
Doanh thu tài chính	89.7	131.0	46,1%	1.500.3	1.257.0	-16,2%
Chi phí tài chính	(336)	(576)	71,3%	(1.690)	(1.770)	4,7%
Chi phí lãi vay	(245)	(404)	65,2%	(1.077)	(1.198)	11,2%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	657	819	24,6%	3.581	4.539	26,8%
Lợi nhuận trước thuế	646	806	24,9%	3.613	4.621	27,9%
<b>LNST sau lợi ích CĐ thiểu số</b>	<b>234</b>	<b>246</b>	<b>5,1%</b>	<b>1.631</b>	<b>1.478</b>	<b>-9,4%</b>
Biên LN ròng	3,0%	2,3%		4,8%	3,7%	

Nguồn: FiinPro, ABS Research

### • KQKD Q1/2026 tiếp tục tích cực:

- ✓ DTT Q1/2026 đạt 10.722 tỷ đồng (+35,4% svck), LNG đạt 2.002 tỷ đồng (+25,3% svck), biên LNG giảm về 18,7% (-1,5 điểm % svck), trong đó các đơn vị thành viên đều có KQKD tích cực. Cụ thể:
    - Mạng thiết bị điện có DTT và LNG đạt 7.061 tỷ đồng (+38,2% svck, chiếm 65,9% cơ cấu) & 1.027 tỷ đồng (+25,8% svck, chiếm 51,3% cơ cấu), biên LNG đạt 14,5% (-1,4 điểm % svck). Nguyên nhân do EVN đẩy mạnh đầu tư lưới điện, nhu cầu thiết bị điện công nghiệp tăng. Tuy nhiên, giá nguyên liệu đầu vào (đồng, nhôm) vẫn neo cao, áp lực chi phí logistics và nhân công tăng nên biên LNG sụt giảm svck.
    - Mạng VLXD có DTT & LNG đạt 2.103 tỷ đồng (+47,5% svck, chiếm 19,6% cơ cấu) & 337 tỷ đồng (+39,9% svck, chiếm 16,8% cơ cấu), biên LNG đạt 16% (-0,9 điểm % svck). KQKD khả quan trên là do thị trường xây dựng dân dụng bớt khó khăn hơn 2024–2025, đầu tư công tăng tốc, nhu cầu kính xây dựng, gạch, vật liệu hoàn thiện cải thiện. Tuy nhiên, áp lực cạnh tranh giá bán, giá nguyên liệu đầu vào tăng khiến biên LNG suy giảm.
    - Mạng BĐS KCN có DTT và LNG đạt 1.047 tỷ đồng (-7,1% svck, chiếm 9,8%) & 512 tỷ đồng (+10,1% svck, chiếm 25,6%), biên LNG đạt 48,9% (+7,6 điểm % svck). Nguyên nhân do làn sóng dịch chuyển dòng vốn FDI vào Việt Nam tiếp tục duy trì mạnh mẽ, đẩy giá thuê đất KCN tại các địa bàn trọng điểm của GELEX tăng từ 10% - 15% so với cùng kỳ. Vốn FDI thực hiện 4T/2026 của VN đạt 7,4 tỷ USD - cao nhất 5 năm.
    - Mạng điện nước có KQKD tích cực với DTT đạt 266 tỷ đồng (+44,6% svck, chiếm 2,5%), và LNG đạt 89 tỷ đồng (+118,4% svck, chiếm 4,5%), biên LNG đạt 33,5% (+11,3 điểm % svck). Doanh thu và lợi nhuận mạng nước tăng trưởng vượt bậc chủ yếu nhờ Dự án Nước sạch Sông Đà giai đoạn 2 chính thức đi vào vận hành thương mại.
  - ✓ Chi phí bán hàng & QLDN tăng +14% svck lên 786 tỷ đồng, chi phí tài chính cũng tăng mạnh +71,3% svck lên 576 tỷ đồng trong khi doanh thu tài chính tăng +46,1% svck lên 131 tỷ đồng. Kết quả, LNST -MI đạt 246 tỷ đồng (+5,1% svck), hoàn thành 24% kế hoạch doanh thu và 17,9% kế hoạch LNTT năm 2026.
- **Tình hình tài chính - nợ vay có xu hướng tăng trở lại nhằm tài trợ dòng vốn cho các siêu dự án hạ tầng mới:**
- ✓ **Lượng tiền giảm nhẹ so với đầu năm.** Tại 31/03/2026, GEX có 10.551 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (-6,9% so với thời điểm đầu năm), chiếm 12,1% cơ cấu TTS. Lượng tiền dồi dào giúp GEX chủ động trong hoạt động kinh doanh. GEX thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền bình quân 10%/năm trong giai đoạn 2024-2026.
  - ✓ **Đầu tư tài chính chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu TTS.** Tại 31/03/2026, GEX có 18.898 tỷ đồng ĐTTC ngắn và dài hạn (+80% so với đầu năm), chiếm 21,7% cơ cấu TTS. Trong đó, có 922 tỷ đồng là đầu tư vào trái phiếu DN chưa niêm yết, 5.652

tỷ đồng cổ phiếu (chủ yếu là EIB, VPX) & 11.052 tỷ đồng ĐTTC dài hạn vào các công ty liên doanh liên kết và góp vốn vào các đơn vị khác, trong đó xuất hiện khoản đầu tư vào CTCP Hạ tầng Hàng không Masterise trị giá 8.070 tỷ đồng. Theo đó, Hạ tầng Gelex đã tham gia góp 20% vốn vào Dự án Sân bay Gia Bình, tổng mức đầu tư dự kiến của dự án là 195 nghìn tỷ đồng, công suất lên tới 100 triệu hành khách.

✓ **Các khoản phải thu & hàng tồn kho tăng mạnh so với đầu năm:**

- Tại 31/03/2026, GEX có khoản phải thu ngắn & dài hạn trị giá 12.251 tỷ đồng (+69,1% so với đầu năm), chiếm 14,1% cơ cấu TTS. Trong đó, xuất hiện khoản Trả trước cho người bán thực hiện hợp đồng chuyển nhượng vốn trị giá 5.294 tỷ đồng. Đây là số tiền đặt cọc hoặc thanh toán trước của GEX để mua lại cổ phần/vốn góp tại một hoặc nhiều doanh nghiệp khác. Dù doanh nghiệp chưa cung cấp tên cụ thể của đối tác trong thuyết minh này, sự dịch chuyển dòng tiền lớn này gắn liền với các chiến lược M&A trọng điểm của GEX.
- Hàng tồn kho chiếm tỷ trọng cao và đang có xu hướng tăng. Tại 31/03/2026, hàng tồn kho có giá trị 19.406 tỷ đồng (+34,2% so với thời điểm đầu năm 2026) và chiếm 22,3% cơ cấu TTS, chủ yếu là thành phẩm, nguyên vật liệu & chi phí SXKD dở dang. Chúng tôi cho rằng hàng tồn kho tăng phản ánh kỳ vọng của DN về triển vọng đơn hàng trong thời gian tới, có thể GEX chuẩn bị cho chu kỳ SXKD lớn hơn trong phần còn lại của năm, đặc biệt là mảng thiết bị điện và hạ tầng.

✓ **Đòn bẩy tài chính đang có xu hướng tăng trở lại:**

- Tại 31/03/2026, tổng nợ vay của GEX là 35.498 tỷ đồng (+23,1% so với đầu năm 2026), trong đó nợ vay ngắn hạn là 13.904 tỷ đồng (+14,3% so với đầu năm) & nợ vay dài hạn là 21.594 tỷ đồng (+29,6% so với đầu năm). Nợ vay dài hạn tăng mạnh chủ yếu do áp lực tài trợ dòng vốn cho các siêu dự án hạ tầng mới (như Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, các KCN của Viglacera) và chuẩn bị nguồn lực cho các thương vụ M&A lớn.
- Nợ vay của GEX đã giảm trong năm 2024 khi DN tiến hành thoái vốn tại các dự án NLTT, dòng tiền cải thiện. Tuy nhiên, từ năm 2025 nợ vay lại có xu hướng tăng trở lại. Chúng tôi đánh giá đây là việc bình thường trong bối cảnh năm 2025 GEX đang tăng tốc cho hoạt động cốt lõi và triển khai các dự án mới cho một chu kỳ đầu tư mới.
- Hệ số D/E tăng lên 1,05 lần từ mức 0,96 lần của thời điểm cuối năm 2025.
- Dòng tiền: Trong giai đoạn 2022-2025 dòng tiền thuần từ HĐKD của GEX luôn dương, tuy nhiên Q1/2026 dòng tiền này bị âm 2.857 tỷ đồng, chủ yếu do các khoản phải thu tăng mạnh so với đầu năm.

• **Triển vọng & Dự báo:**

**Chúng tôi đánh giá triển vọng của GEX tương đối khả quan do tập trung vào các mảng kinh doanh cốt lõi nhưng dự báo lợi nhuận 2026 có thể bị đi lùi do giá nguyên liệu đầu vào tăng cao trong bối cảnh bất ổn địa chính trị tại Trung Đông leo cao & mức nền của năm 2025 đã khá cao, dựa trên các yếu tố sau:**

**1. Mảng Thiết bị điện – triển vọng lợi nhuận khá tích cực do:**

- Nhu cầu đầu tư hạ tầng các dự án điện giúp tăng nhu cầu thiết bị điện. Theo QH điện VIII, tổng vốn đầu tư vào ngành điện giai đoạn 2026–2030 ước tính đạt khoảng 118,2 tỷ USD, trong đó 18,1 tỷ USD dành cho mạng lưới truyền tải. Điều này tương đương với mức đầu tư trung bình hàng năm khoảng 19,7 tỷ USD—gấp đôi so với mức đầu tư thực tế giai đoạn 2021–2024. Mặc dù chi tiêu thực tế có thể thấp hơn kế hoạch, triển vọng vẫn tích cực. Ngoài ra, sự phục hồi của thị trường BĐS sẽ tiếp tục hỗ trợ phân khúc dân dụng.
- Sự tăng trưởng mạnh mẽ từ NLTT cũng cần đầu tư nhiều hơn vào CSHT điện, cụ thể là máy biến áp và cáp điện để tránh tình trạng bị quá tải lưới điện.
- Nhu cầu lớn cho các thiết bị điện từ các dự án giao thông nhằm giảm ùn tắc. Kế hoạch đầu tư vào lĩnh vực viễn thông cũng thúc đẩy tăng trưởng cho ngành sản xuất dây dẫn, thiết bị điện.

- Bên cạnh đó, GEE – Công ty con của GEX cũng định hướng sẽ mở rộng khai thác tại thị trường nước ngoài trong xu hướng cải tạo hệ thống lưới điện của Châu Âu và Châu Mỹ trong thời gian tới, thông qua việc tìm kiếm các đối tác nước ngoài để cùng thành lập các nhà máy/VPĐD ở các thị trường này.
- Ngoài ra, đối với mảng xây dựng đường cao tốc 67 tỷ USD, trong đó có mảng cáp ngầm cho tàu cao tốc. Hiện nay, loại cáp này ở VN chưa sản xuất được nhưng CADIVI đang tìm kiếm các đối tác nước ngoài để có thể nhận chuyển giao công nghệ và có thể sản xuất được các sản phẩm này.

## 2. Mảng BĐS KCN tiếp tục kỳ vọng:

- VGC là một trong những doanh nghiệp có quỹ đất KCN lớn nhất tại miền Bắc khi sở hữu 16 KCN đang vận hành và phát triển mới với tổng quy mô hơn 4.500 ha, trong đó 12 KCN đang vận hành và cho thuê, diện tích đất thương phẩm sẵn sàng cho thuê hiện tại còn khoảng hơn 610 ha.
- Các KCN mới của VGC như KCN Sông Công II (Thái Nguyên), KCN Dốc Đá Trắng (Khánh Hòa), KCN Trấn Yên (Yên Bái) cũng đang được tích cực triển khai.
- Chúng tôi kỳ vọng VGC sẽ tiếp tục duy trì diện tích đất KCN bàn giao tích cực với biên lợi nhuận được cải thiện (nhờ chi phí đầu tư thấp) trong năm 2026. Các KCN Thuận Thành và KCN Sông Công II sẽ là điểm tựa đóng góp chính vào doanh thu, lợi nhuận trong các năm tới của VGC.
- Ngoài ra, KQKD của mảng BĐS KCN cũng sẽ được hỗ trợ bởi các KCN được ghi nhận doanh thu cho thuê đất phân bổ hàng năm trong 50 năm từ các khoản doanh thu chưa thực hiện.
- Bên cạnh đó, ngoài VGC, năm 2025 GEX cũng đã tăng sở hữu tại PXL (KCN Dầu khí Long Sơn) thông qua CTCP Hạ tầng Gelex (hiện đang nắm trên 65% vốn PXL). PXL hiện đang quản lý và xây dựng KCN 850 ha, tập trung vào lĩnh vực Data Center – một lĩnh vực hạ tầng mới.
- Tuy nhiên, chúng tôi cũng lưu ý rủi ro liên quan đến chính sách thuế quan từ Mỹ có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của mảng BĐS KCN.

## 3. Mảng VLXD dự kiến khởi sắc, bước vào giai đoạn phục hồi:

- Chúng tôi cho rằng mảng VLXD trong năm 2026 dự kiến vẫn khởi sắc nhờ những động lực từ: (i) Thị trường BĐS tiếp tục khởi sắc với nguồn cung và lượng giao dịch tăng, giúp ngành xây dựng cải thiện, gia tăng sản lượng tiêu thụ VLXD; (ii) Hoạt động đầu tư công tiếp tục được chú trọng với mục tiêu giải ngân lớn với hàng loạt công trình trọng điểm.

## 4. Mảng BĐS nhà ở:

- VGC tập trung đẩy mạnh các dự án NOXH. GEL sẽ hợp tác với Frasers Property để triển khai dự án ANMaison Hải Phòng 19ha và hai dự án quy mô 113ha tại Đồng Nai. Đối với dự án tại Đồng Nai, tổng vốn đầu tư dự kiến là 35 nghìn tỷ đồng, EBIT ước khoảng 12 nghìn tỷ đồng, dự kiến được ghi nhận từ năm 2028.
- ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2026F của GEX dự kiến đạt 1.446 tỷ đồng (-2,2% svck). Mặc dù các mảng kinh doanh cốt lõi đều có triển vọng khả quan nhưng dự phóng LNST 2026F dự báo đi lùi do: i) Mức nền cao của năm 2025; ii) Giá nguyên vật liệu đầu vào (đồng, nhôm...) & chi phí logistics đều tăng mạnh trước những bất ổn địa chính trị tại Trung Đông leo cao; iii) Căn cứ KQKD thực tế trong Q1/2026; iv) Lợi nhuận cổ đông thiếu số cao. EPS và BVPS 2026F dự kiến đạt 1.105 đ/cp và 11.973 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 27,29 và 2,52 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2026F đạt 9,2%.

## PHỤ LỤC MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA GEX

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
<b>Doanh thu thuần</b>	32.089	29.998	33.752	39.513
Giá vốn hàng bán	-25.631	-	-26.990	-31.096
		24.489		
<b>Lợi nhuận gộp</b>	6.458	5.509	6.762	8.417
Doanh thu tài chính	731	450	1.500	1.257
Chi phí tài chính	-2.266	-1.889	-1.690	-1.770
Chi phí bán hàng	-1.290	-1.141	-1.279	-1.428
Chi phí QLDN	-1.668	-1.575	-1.750	-2.068
<b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>	2.001	1.415	3.581	4.539
Lãi/Lỗ khác	215	66	185	238
Lợi nhuận trước thuế	2.216	1.481	3.765	4.777
Lợi nhuận sau thuế	1.127	331	1.868	1.523
<b>LNST cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>369</b>	<b>330</b>	<b>1.631</b>	<b>1.478</b>

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HĐKD	7.799	4.326	2.469	593
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-3.133	-6.924	-967	-5.017
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	-6.533	2.650	-787	9.049
<b>LCT thuần trong kỳ</b>	<b>-1.867</b>	<b>52</b>	<b>716</b>	<b>4.625</b>
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	4.906	3.156	3.313	4.074
<b>Tiền &amp; tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3.156</b>	<b>3.313</b>	<b>4.074</b>	<b>8.660</b>

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
<b>Khả năng thanh toán</b>				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,15	1,09	1,34	1,81
Khả năng thanh toán nhanh	0,57	0,59	0,77	1,08
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,33	0,40	0,54	0,85
Khả năng thanh toán lãi vay	2,63	2,07	4,50	4,99

Cơ cấu vốn	2022	2023	2024	2025
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,40	0,39	0,43	0,41
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,60	0,61	0,57	0,59
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,80	0,94	0,71	0,96

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2022	2023	2024	2025
Số ngày phải thu	37,5	33,2	27,3	22,3
Số ngày phải trả	49,9	41,1	36,2	37,0
Số ngày tồn kho	147,0	129,9	115,0	135,8

Khả năng sinh lời	2022	2023	2024	2025
Tỷ suất lợi nhuận gộp	20,1%	18,4%	20,0%	21,3%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	9,5%	8,7%	13,3%	13,8%
Tỷ suất LNST của CĐ Công ty mẹ	3,5%	1,1%	5,5%	3,9%
ROE	5,4%	1,6%	8,4%	5,7%
ROA	2,0%	0,6%	3,4%	2,4%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
<b>+ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3.156	3.313	4.074	8.660
<b>+ Đầu tư ngắn hạn</b>	2.521	4.123	5.043	9.967
<b>+ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	4.184	3.464	4.037	4.997
<b>+ Hàng tồn kho</b>	9.111	8.324	8.685	14.455
<b>+ Tài sản ngắn hạn khác</b>	828	1.075	990	1.335
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	19.800	20.299	22.829	39.414
<b>+ Các khoản phải thu dài hạn</b>	335	799	1.409	2.246
<b>+ Tài sản cố định</b>	16.954	18.799	13.872	13.017
<b>+ Bất động sản đầu tư</b>	2.627	2.585	2.516	3.308
<b>+ Tài sản dở dang dài hạn</b>	8.072	7.326	7.929	9.979
<b>+ Đầu tư dài hạn</b>	1.818	2.658	2.990	3.210
<b>+ Tài sản dài hạn khác</b>	2.778	2.610	2.238	2.418
<b>Tài sản dài hạn</b>	32.585	34.778	30.953	34.178
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>52.385</b>	<b>55.077</b>	<b>53.782</b>	<b>73.593</b>
<b>+ Vay ngắn hạn</b>	7.196	9.858	8.239	12.168
<b>+ Nợ ngắn hạn khác</b>	10.080	8.733	8.758	9.627
<b>Nợ ngắn hạn</b>	17.276	18.591	16.997	21.795
<b>+ Vay dài hạn</b>	9.646	10.132	8.307	16.668
<b>+ Các khoản phải trả dài hạn khác</b>	4.420	5.130	5.220	4.955
<b>Nợ dài hạn</b>	14.065	15.262	13.527	21.624
<b>Tổng nợ phải trả</b>	31.341	33.853	30.524	43.419
<b>+ Vốn cổ phần</b>	8.515	8.515	8.594	9.024
<b>+ Thặng dư vốn cổ phần</b>	663	663	663	663
<b>+ LNST chưa phân phối</b>	2.546	2.616	3.952	7.264
<b>+ Quỹ khác</b>	9.319	9.429	10.049	13.223
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	21.043	21.224	23.258	30.174
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>52.385</b>	<b>55.077</b>	<b>53.782</b>	<b>73.593</b>

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	12,3%	-6,5%	12,5%	17,1%
Tăng trưởng LNNT	9,3%	-20,1%	69,3%	23,4%
Tăng trưởng LNST	-17,7%	-70,6%	464,5%	-18,5%
Tăng trưởng VCSH	2,7%	0,9%	9,6%	29,7%
Tăng trưởng Tổng tài sản	-14,4%	5,1%	-2,4%	36,8%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	28,6	60,8	10,0	26,6
P/B	0,9	1,6	1,2	2,2
EPS	433	388	1.910	1.638
BVPS	14.128	14.454	16.240	19.702

Nguồn: FiinPro, ABS Research

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

## Khuyến nghị cổ phiếu

<b>MUA</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
<b>KHẢ QUAN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
<b>TRUNG LẬP</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
<b>KÉM KHẢ QUAN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
<b>BÁN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

# Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

## Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: [abs-research@abs.vn](mailto:abs-research@abs.vn)

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: [linh.ngthithuy@abs.vn](mailto:linh.ngthithuy@abs.vn)

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT

Email: [hue.lethikim@abs.vn](mailto:hue.lethikim@abs.vn)

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: [luu.dangxuan@abs.vn](mailto:luu.dangxuan@abs.vn)

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: [duyen.nguyenthiky@abs.vn](mailto:duyen.nguyenthiky@abs.vn)

PTKT và Chiến lược thị trường

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: [anh.buiminh@abs.vn](mailto:anh.buiminh@abs.vn)

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: [thu.kieuthithanh@abs.vn](mailto:thu.kieuthithanh@abs.vn)

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Trần Minh Quang – Chuyên viên

Email: [quang.trminh@abs.vn](mailto:quang.trminh@abs.vn)



Chứng khoán An Bình

*Được vinh danh*

Công ty cung cấp

Dịch vụ chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2026

**BEST SECURITIES SERVICE**

Do FinanceAsia bình chọn



Trải nghiệm ngay  
ABS Invest tại đây

